CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Ngân hàng TMCP Bản Việt

Ngày 31/12/2025	13,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.2%	**-7.7%**	**-2.9%**

DT thuần
Q4/25
-1,549
tỷ VNĐ
QoQ: ▼178| -13.0%
YoY: ▼423| -37.6%

LN thuần
Q4/25
-7.95
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.15| -184%
YoY: ▼7.22| -990%

LN sau thuế
Q4/25
0
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT
2025
12.3%
YoY: +/-▼ 2.3%

ROE
2025

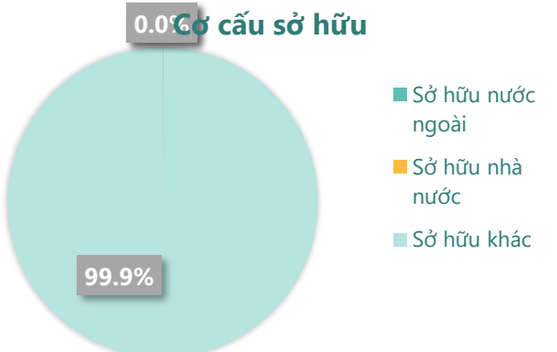
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,525 - 16,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,459
Số lượng CPLH (CP)	640,820,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,171,010
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	2.28
EPS	650
P/E	20.3

DT thuần
2025
-5,512
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,333| -31.9%

LN thuần
2025
-14.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.8| -324%

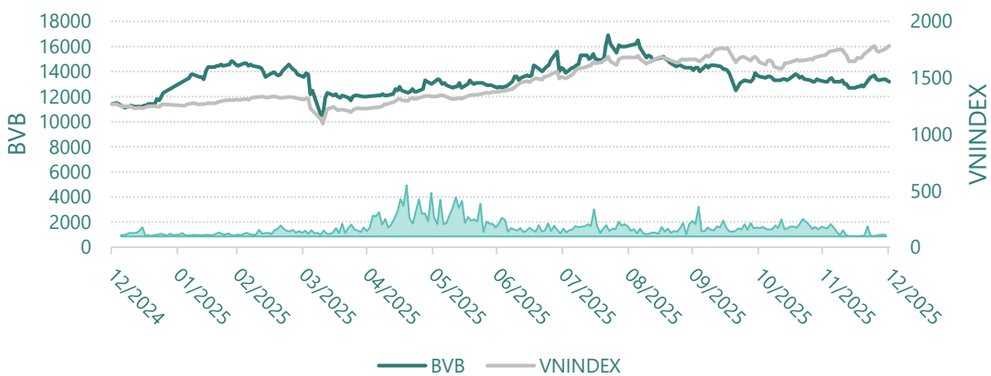
LN sau thuế
2025
0
tỷ VNĐ

Cơ cấu sở hữu

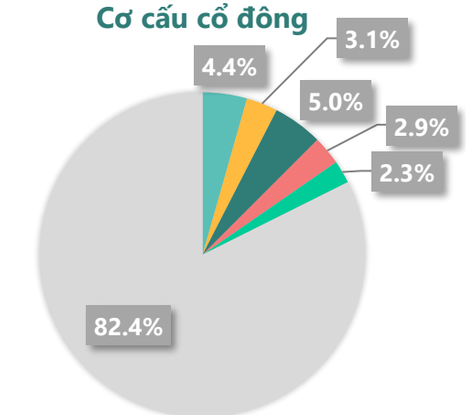


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



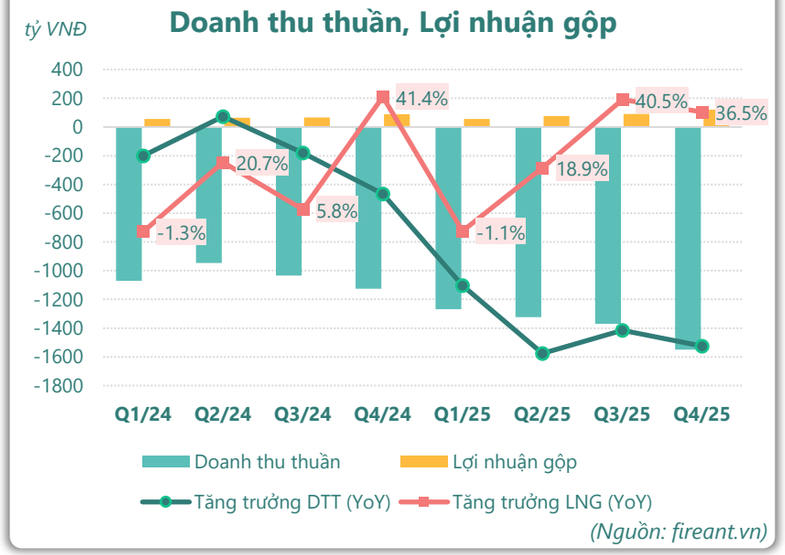
Cơ cấu cổ đông



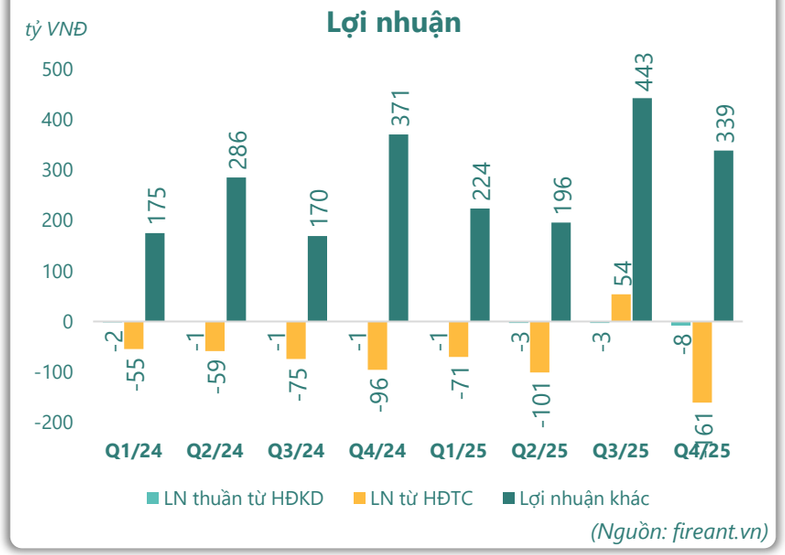
- Nguyễn Thanh Phượng
- Ngô Quang Trung
- CTCP Đầu tư Khu đô thị Mới Sài Gòn
- Lê Anh Tài (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thanh Tú (Phó Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

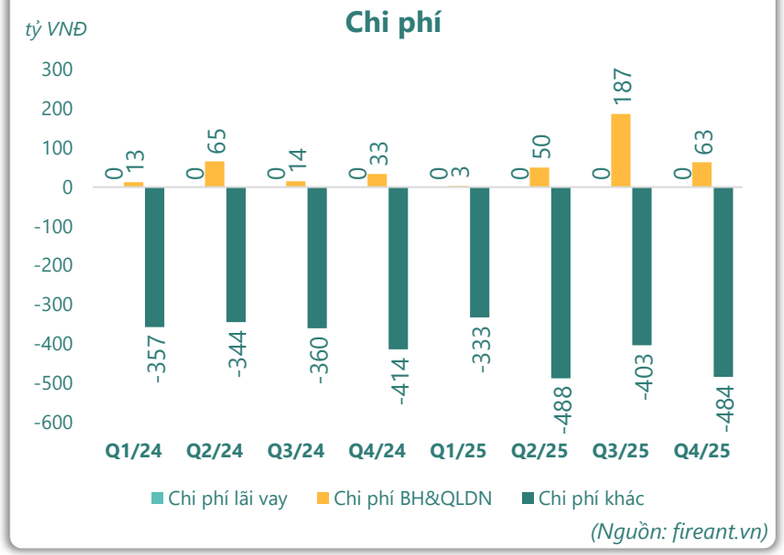
KẾT QUẢ KINH DOANH



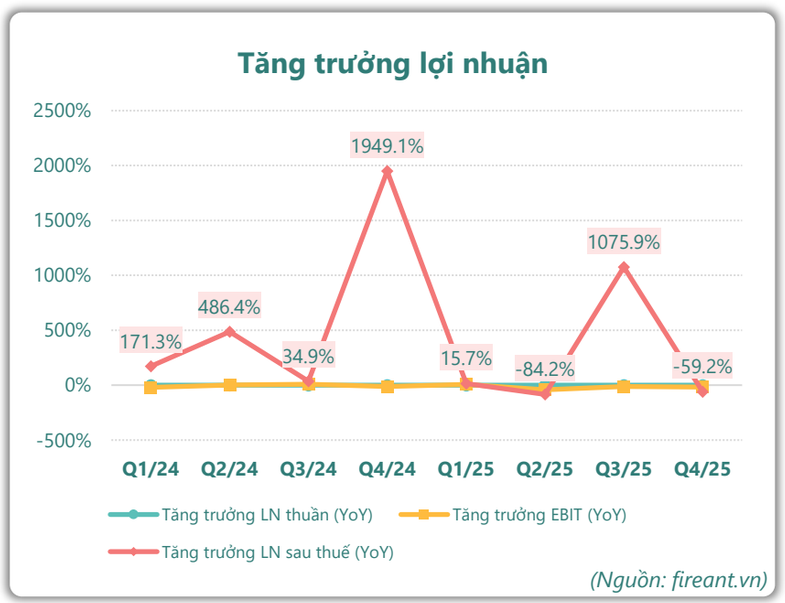
(Nguồn: fireant.vn)



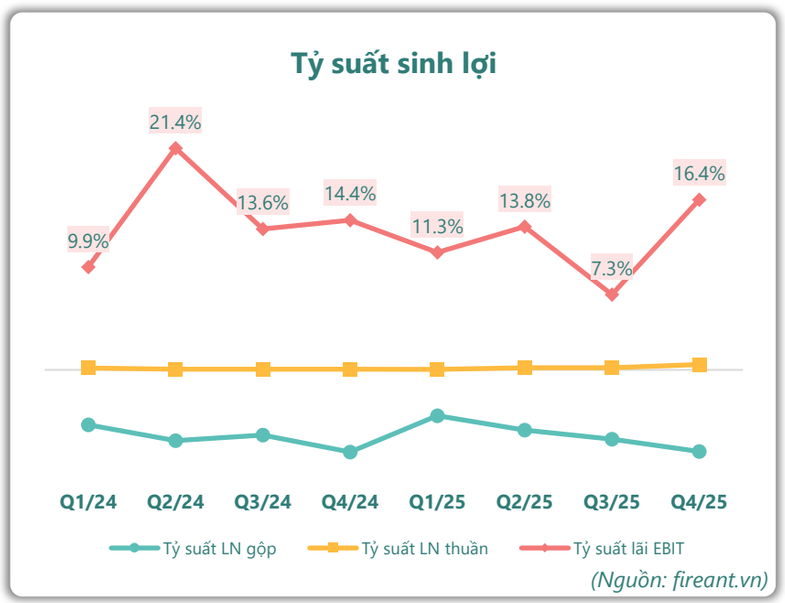
(Nguồn: fireant.vn)



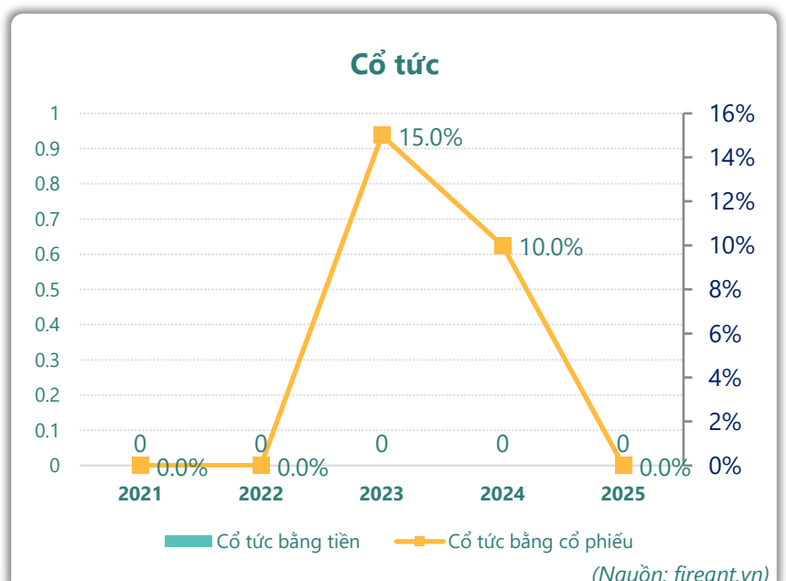
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



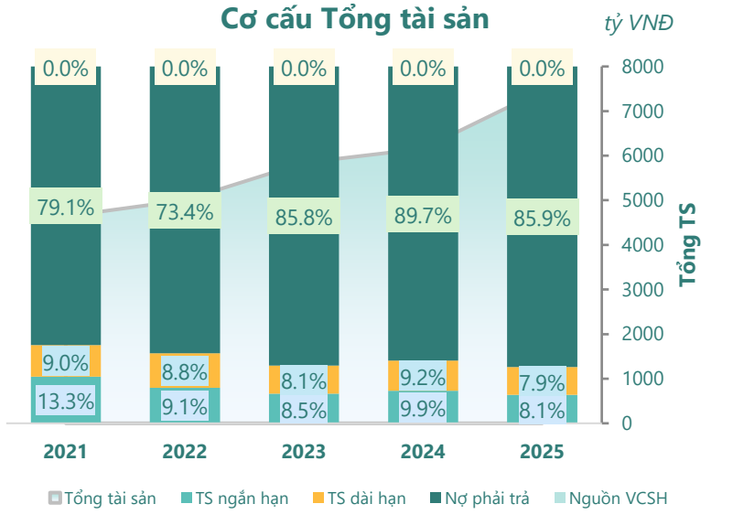
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

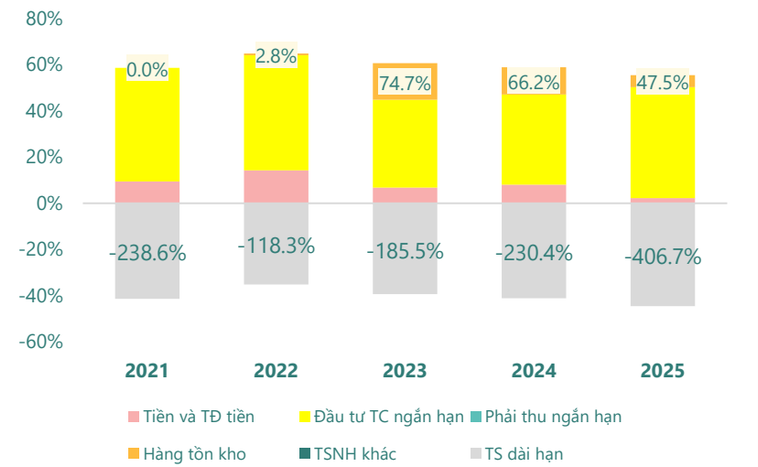
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



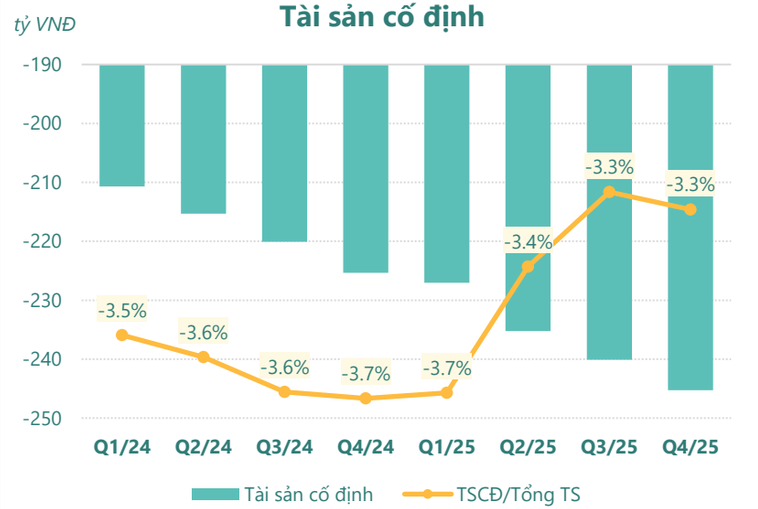
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



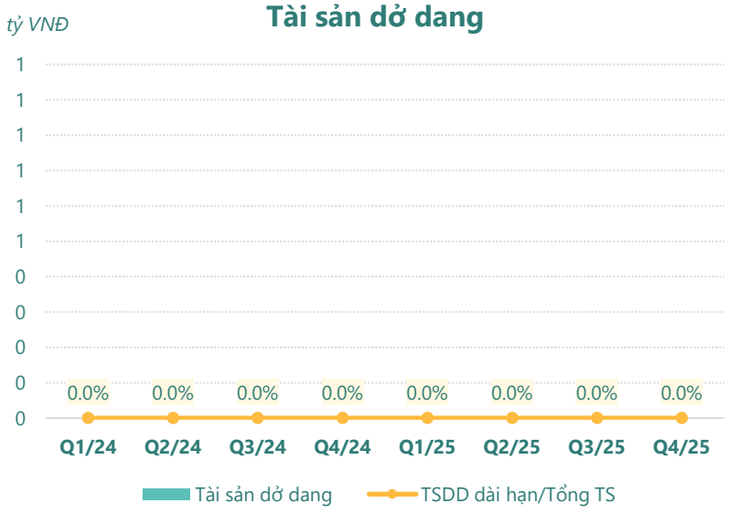
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



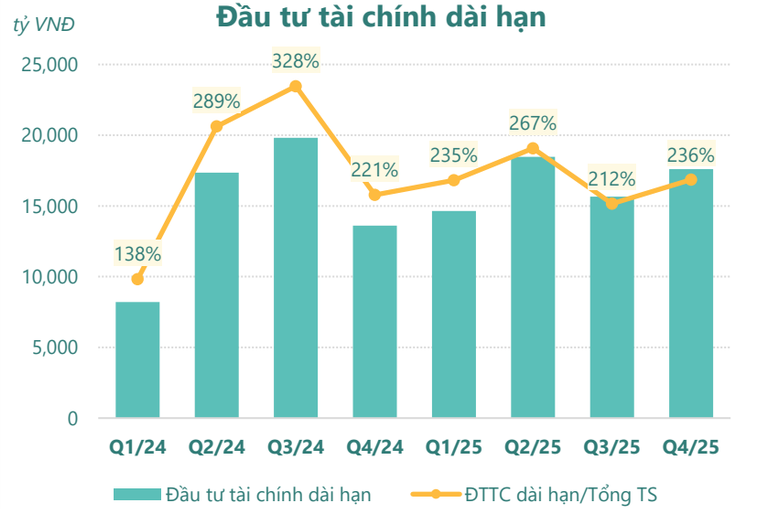
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



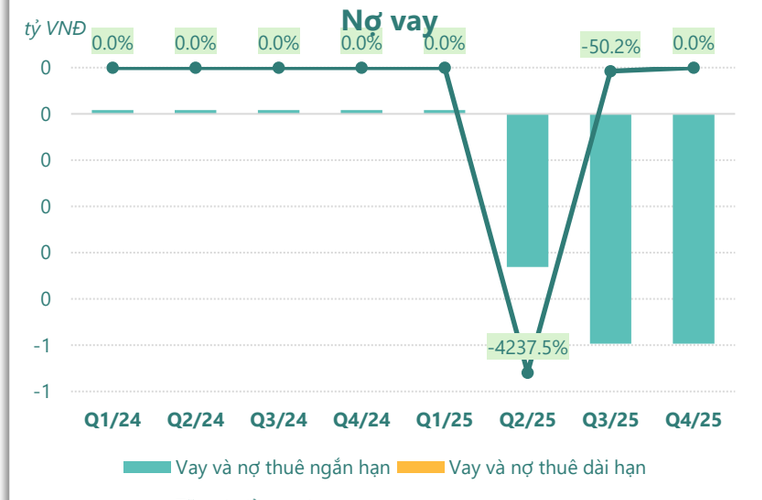
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

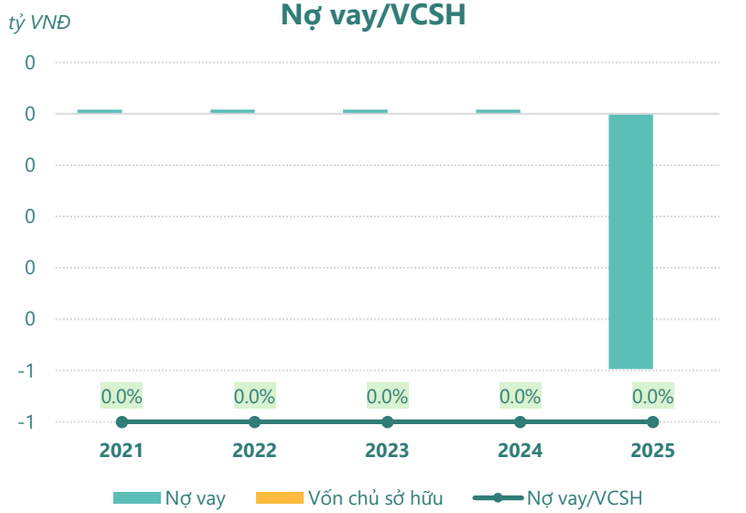
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

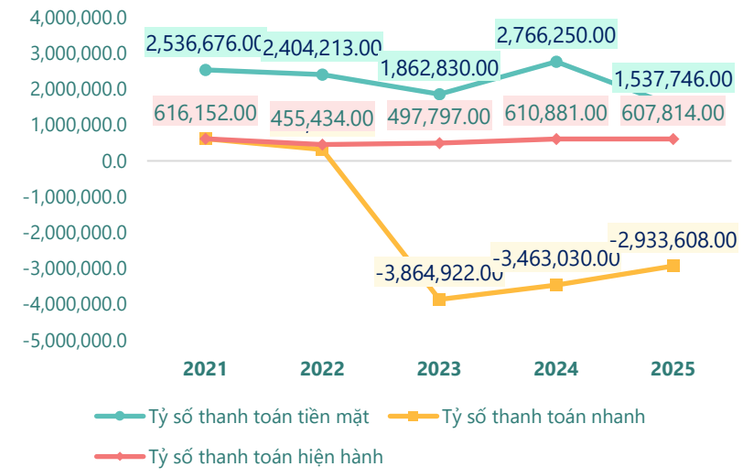
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



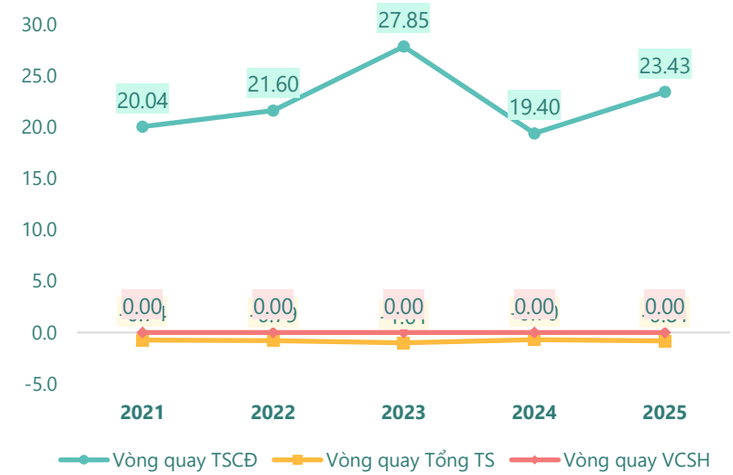
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



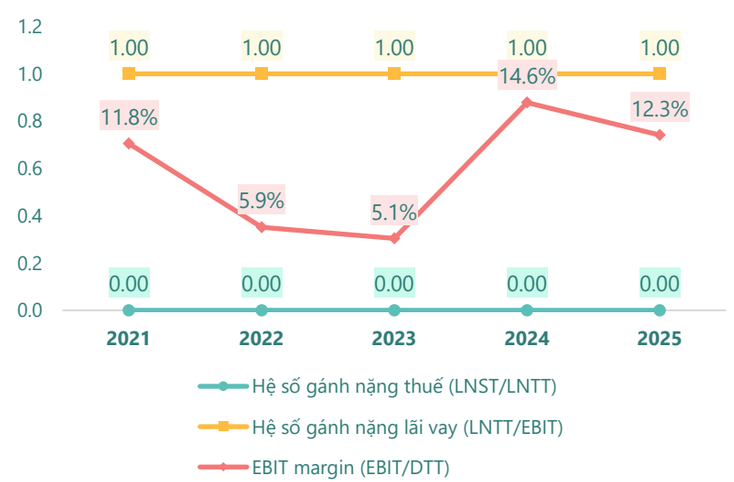
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



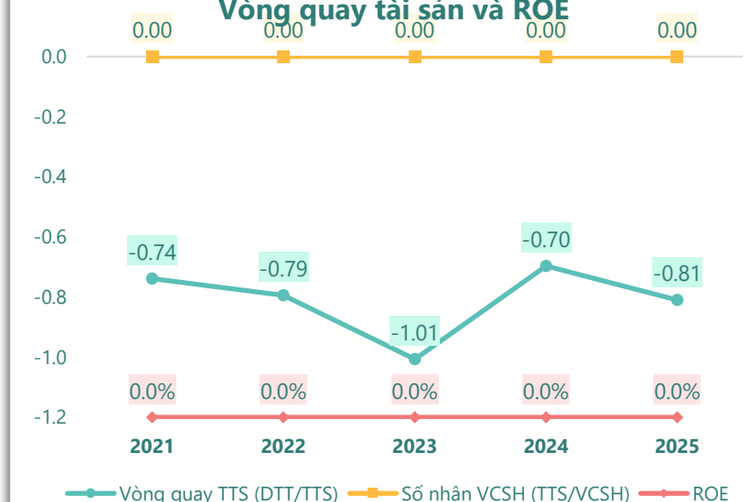
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



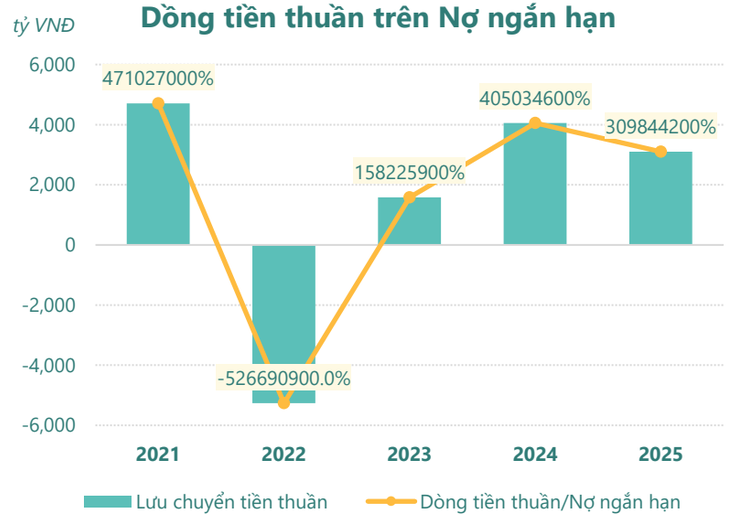
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**-1,549**	**-1,126**	**-37.6%**	**-5,512**	**-4,179**	**-31.9%**
Giá vốn hàng bán	-28.4	1.55	-1932%	1.67	37.5	-95.5%
Lợi nhuận gộp	122	89.3	36.5%	346	276	25.6%
Doanh thu HĐTC	-150	-87.7	-71.4%	-193	-238	19.2%
Chi phí TC	10.8	8.33	30.2%	86.3	45.9	87.8%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**-1.95**	**0.02**	**-9825%**	**-2.70**	**26.8**	**-110%**
Chi phí bán hàng	27.6	16.3	69.6%	144	61.1	136%
Chi phí QLDN	**35.6**	**17.1**	**108%**	**158**	**64.5**	**146%**
LN thuần từ HĐKD	-7.95	-0.73	-990%	-14.2	-3.36	-324%
Lợi nhuận khác	**339**	**371**	**-8.6%**	**1,202**	**1,002**	**19.9%**
LN trước thuế	-254	-163	-55.9%	-680	-612	-11.2%
Lợi nhuận sau thuế	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LNST của CĐ cty mẹ	**0**	**0.00**		**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,710	-532	-308	-281	-1,174	2,537
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-182	-12.9	205	-14.4	3.34	-13.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,469	-384	1,254	689	200	0
Tiền đầu kỳ	14,854	17,844	16,871	18,022	18,417	17,434
Lưu chuyển tiền thuần	**2,997**	**-929**	**1,152**	**394**	**-971**	**2,524**
Ảnh hưởng tỷ giá	-6.00	-44.7	0.19	0.23	-11.4	11.0
Tiền cuối kỳ	17,844	16,871	18,022	18,417	17,434	19,969

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,460**	**6,155**	**21.2%**
Tài sản ngắn hạn	608	611	-0.5%
Tiền và tương đương tiền	1,538	2,766	-44.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	32,723	13,493	143%
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	3,541	4,074	-13.1%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**589**	**565**	**4.4%**
Phải thu dài hạn	986	908	8.6%
Tài sản cố định	-245	-225	-8.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	17,603	13,599	29.4%
Tài sản dài hạn khác	**2,334**	**1,962**	**19.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,408	5,518	16.1%
Nợ ngắn hạn	**0.00**	**0.00**	**0.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	-0.50	0.01	-6313%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)